

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2014**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
TRỤ SỞ CHÍNH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014	15 - 45
8. Phụ lục	46 - 48

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005032, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước	46.220.020.000	19,26
Các cổ đông khác	193.779.980.000	80,74
Cộng	240.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8)38.641.885

Fax : (84-8)38.642.060

Website : www.tanimex.com.vn

Mã số thuế : 0301464904

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	475 D Lê Trọng Tấn, phường Sơn kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	64 – 66 Trần Phú, phường 5, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Long An	Ấp Lộc An, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục mầm non;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: thu gom và vận chuyển rác thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành in, bao bì, nhựa, giấy, kim loại (trừ phế liệu, phế thải) và thiết bị máy móc phục vụ cho ngành sản xuất bao bì và ngành in;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị ngành in;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị, phụ liệu, phụ tùng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phương tiện giao thông vận tải. Bán buôn lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiều hối. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu. Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng. Kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng. Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác). Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Lắp dựng khung kèo thép. San lấp mặt bằng. Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải. Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh). Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở,

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Duy tu nạo vét cống rãnh. Sản xuất và mua bán nước tinh khiết. Sản xuất suất ăn công nghiệp. Dịch vụ rửa xe. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản. Đào tạo dạy nghề. Sửa chữa bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại. Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, rác, khí thải và các nhân tố gây ô nhiễm môi trường. Trồng rừng. Khai thác cát đen. Khai thác đất sét. Sản xuất gạch gó và nguyên vật liệu xây dựng. Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Tư vấn đấu thầu. Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế và dự toán. Khai thác và xử lý nước ngầm. Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuê hải quan. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại. Kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Cho thuê cao ốc văn phòng. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá sản giao dịch bất động sản. Quảng cáo. Kinh doanh bất động sản. Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 45).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/BBĐHĐCĐ-204 ngày 17 tháng 01 năm 2014 như sau:

- Chia cổ tức (*)	46.314.160.000	VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	3.166.647.614	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	3.166.647.614	VND
- Trích quỹ khen thưởng	3.166.647.614	VND
- Trích quỹ phúc lợi	1.899.988.568	VND
- Trích quỹ chính sách xã hội	2.533.318.091	VND
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	900.000.000	VND
- Thưởng vượt kế hoạch Ban điều hành (15% lợi nhuận vượt)	373.038.200	VND

(*) Trong đó cổ tức đã tạm ứng được ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm trước là 23.098.374.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Trần Quang Trường	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Trần Thị Lan	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thanh Phương	Trưởng ban	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Minh Anh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm	25 tháng 3 năm 2014
Ông Trần Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	25 tháng 3 năm 2014
	Tổng Giám đốc	25 tháng 3 năm 2014	-
Ông Nguyễn Văn Ngoãn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	25 tháng 3 năm 2014
Ông La Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc	25 tháng 3 năm 2014	-
Ông Lê Trọng Lập	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	25 tháng 3 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình – trụ sở chính tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Quang Trường
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 29 tháng 5 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0567/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ
VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình – Trụ sở chính gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, được lập ngày 21 tháng 4 năm 2014, từ trang 08 đến trang 45 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình thực hiện công tác soát xét chúng tôi nhận thấy có vấn đề sau:

Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình thuộc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình phát sinh doanh thu chủ yếu từ 3 hoạt động: cho thuê đất tại Khu công nghiệp, bán nền đất và bán chung cư. Từ năm 1998 đã bắt đầu phát sinh việc thu tiền thuê đất trong Khu công nghiệp trong khi chi phí về xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ cho hoạt động chưa phát sinh đầy đủ và tại thời điểm đó lại phát sinh các chi phí đền bù để di dời các hộ dân. Do vậy từ năm 2003 trở về trước Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình đã áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần và giá vốn tại thời điểm đó là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải tỏa các hộ dân. Từ năm 2003 trở đi, sau khi đã tập hợp các chi phí liên quan đến hoạt động thuê đất, chi phí liên quan đến hoạt động bán nền và bán căn hộ chung cư thì hàng năm Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình ghi nhận doanh thu, giá vốn theo kế hoạch và từng bước điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp của từng hoạt động theo số liệu ước tính của Công ty.

Năm nay Công ty đã điều chỉnh lại doanh thu và chi phí của các hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp, bán nền đất và bán căn hộ chung cư đã ghi nhận từ các năm trước đây theo nguyên tắc được trình bày tại thuyết minh IV.19. Tuy nhiên Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà hạch toán hết vào Báo cáo tài chính năm nay. Bên cạnh đó, số liệu điều chỉnh được hạch toán một phần trong 6 tháng đầu năm và phần còn lại sẽ được hạch toán vào 6 tháng cuối năm. Nếu Công ty hạch toán điều chỉnh hồi tố đầy đủ theo đúng hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành thì lợi nhuận trước thuế kỳ này và kỳ trước sẽ lần lượt là 18.576.249.642 VND và 32.905.304.871 VND, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2014 và ngày 30 tháng 9 năm 2013 sẽ lần lượt là 141.382.884.626 VND và 160.270.455.011 VND.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Nguyễn Ngọc Thành - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1195-2013-008-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		417.541.226.748	497.295.725.973
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	167.968.695.258	221.734.867.367
1. Tiền	111		53.949.461.496	60.716.958.177
2. Các khoản tương đương tiền	112		114.019.233.762	161.017.909.190
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		46.386.468.274	23.806.576.745
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	46.386.468.274	23.806.576.745
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.410.384.737	26.269.619.281
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	9.450.484.790	15.641.177.816
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	267.594.400	4.109.036.329
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		297.243.422	270.147.012
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6.395.062.125	6.249.258.124
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	185.551.198.949	224.541.806.798
1. Hàng tồn kho	141		185.551.198.949	224.541.806.798
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.224.479.530	942.855.782
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		202.135.785	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.022.343.745	942.855.782

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		473.042.052.785	463.206.223.445
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		39.202.983.442	53.053.880.703
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.8	42.198.547.980	55.973.870.898
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		500.000.000	500.000.000
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		31.352.723	90.359.153
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.9	6.100.000.000	6.116.567.913
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.10	(9.626.917.261)	(9.626.917.261)
II. Tài sản cố định	220		71.974.835.260	186.632.758.688
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	34.743.967.772	45.950.230.766
<i>Nguyên giá</i>	222		164.450.306.380	164.965.730.053
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(129.706.338.608)	(119.015.499.287)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	23.073.828.072	125.333.097.637
<i>Nguyên giá</i>	228		366.237.086.195	366.237.086.195
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(343.163.258.123)	(240.903.988.558)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	14.157.039.416	15.349.430.285
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	154.060.781.777	146.561.701.687
<i>Nguyên giá</i>	241		257.520.088.874	242.008.196.101
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(103.459.307.097)	(95.446.494.414)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		72.582.390.221	68.063.311.551
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	5.800.000.000	5.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	55.968.798.000	65.638.798.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	15.165.717.115	15.165.717.115
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(4.352.124.894)	(18.541.203.564)
V. Tài sản dài hạn khác	260		135.221.062.085	8.894.570.816
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	126.326.491.269	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.639.570.816	8.639.570.816
3. Tài sản dài hạn khác	268		255.000.000	255.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		890.583.279.533	960.501.949.418

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		368.181.650.381	436.926.417.759
I. Nợ ngắn hạn	310		108.910.327.927	130.369.202.066
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	10.955.800.000	33.203.194.745
2. Phải trả người bán	312	V.21	3.263.829.232	5.592.665.452
3. Người mua trả tiền trước	313		3.744.940.095	3.638.041.670
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	4.722.034.410	6.318.989.556
5. Phải trả người lao động	315		-	5.746.558.000
6. Chi phí phải trả	316	V.23	27.802.041.196	22.170.211.138
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	52.047.136.219	49.147.346.768
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	6.374.546.775	4.552.194.737
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		259.271.322.454	306.557.215.693
1. Phải trả dài hạn người bán	331		2.740.400.000	2.740.400.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	46.684.196.157	34.383.919.719
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	42.946.415.765	62.946.415.765
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	166.900.310.532	206.486.480.209
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		522.401.629.152	523.575.531.659
I. Vốn chủ sở hữu	410		522.401.629.152	523.575.531.659
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	90.352.860.000	90.352.860.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.29	(16.016.112.446)	(16.016.112.446)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	99.294.137.021	96.127.489.407
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	25.378.301.811	22.211.654.197
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	83.392.442.766	90.899.640.501
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		890.583.279.533	960.501.949.418

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

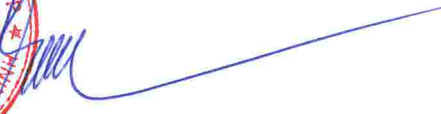
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		88.995,24	165.282,31
Euro (EUR)		15.249,00	15.249,00
Yên Nhật (¥)		182.014,00	182.014,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-


Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hào
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2014


Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

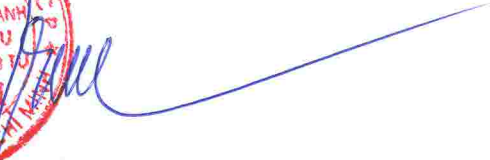
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	103.235.261.731	138.483.627.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	112.521.543	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	103.122.740.188	138.483.627.479
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	39.516.411.683	78.397.198.567
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.606.328.505	60.086.428.912
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.817.093.378	13.945.843.658
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.467.717.592	7.591.054.024
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.128.287.885	(6.001.285.019)
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	21.346.836.345	14.416.195.435
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8.745.514.185	11.536.266.643
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.863.353.761	40.488.756.468
11. Thu nhập khác	31		238.574.691	361.074.177
12. Chi phí khác	32		1	1.592.677.166
13. Lợi nhuận khác	40		238.574.690	(1.231.602.989)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.101.928.451	39.257.153.479
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	9.115.328.681	9.857.448.448
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.7	<u>30.986.599.770</u>	<u>29.399.705.031</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>-</u>	<u>-</u>


Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng


Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		110.101.638.928	104.820.257.425
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(26.894.936.808)	(51.059.329.069)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.600.030.346)	(17.594.556.173)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4.582.008.105)	(6.505.120.797)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.22	(8.347.052.130)	(18.071.183.506)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		36.767.556.138	39.446.943.692
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(73.895.282.707)	(90.747.972.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.549.884.970	(39.710.960.662)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.094.973.666)	(18.200.715.275)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.121.500.000	1.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.600.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		190.000.000	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.16	(10.130.000.000)	(470.250.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		3.719.500.000	2.504.828.025
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.753.822.585	10.267.680.078
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.040.151.081)	2.103.361.010

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	29.105.818.729
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20; V.27	(42.247.394.745)	(19.943.383.681)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(23.035.760.000)	(23.150.336.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(65.283.154.745)	(13.987.901.752)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(53.773.420.856)	(51.595.501.404)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	221.734.867.367	248.588.805.416
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.248.747	10.014.604
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	167.968.695.258	197.003.318.616


Hà Thị Thu Thảo
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Hảo
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2014



Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH – TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, kinh doanh bất động sản, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, mua bán hàng hoá.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, cán bộ công nhân viên Công ty là 206 nhân viên (cuối năm trước là 218 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính trụ sở chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính trụ sở chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính trụ sở chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 31
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 07

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Nhà trên đất	08 – 30
Quyền sử dụng đất	46 – 50
Cơ sở hạ tầng	10 – 15

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng và kinh phí đền bù

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	50
San lấp mặt bằng	05 – 49
Kinh phí đền bù	05 – 48

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước và các tài sản khác

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất và các tài sản khác được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và Quyết định Đại hội cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Mức trích lập hàng năm
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.	Tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban quản lý điều hành	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Tuỳ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu là thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trong đó bao gồm thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/3/2014 :	21.080 VND/USD
	28.869 VND/EUR
	203,47 VND/JPY
30/9/2013 :	21.080 VND/USD
	28.304 VND/EUR
	214,33 VND/JPY

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê đất

Tại khu công nghiệp hiện hữu

Từ năm 2003 trở về trước, doanh thu được ghi nhận một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần. Giá vốn tương ứng là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải toả của các hộ dân.

Từ năm 2003 đến trước năm 2009, doanh thu ghi nhận theo kế hoạch. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Từ năm 2009 trở đi, doanh thu được ghi nhận dựa vào số thực thu theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Năm nay, Công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất” và đã điều chỉnh lại toàn bộ doanh thu của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 trở về trước theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm nay và phân bổ đều cho 04 quý. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê cũng được phân bổ đều cho 04 quý.

Tại khu công nghiệp mở rộng

Hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp mở rộng phát sinh từ năm 2010. Doanh thu được ghi nhận dựa trên cơ sở phân bổ giá trị thuê đất trên hợp đồng cho thuê theo số phân kỳ thu. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Đến năm 2012, chi phí đền bù được khấu hao theo thời gian thuê đất trên hợp đồng thuê.

Năm nay, Công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu hàng năm dựa trên thời gian thuê đất trên hợp đồng thuê và đã điều chỉnh lại doanh thu và giá vốn của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014.

Đối với đất xây dựng kho xưởng cho thuê, doanh thu ghi nhận phù hợp với hợp đồng cho thuê. Giá vốn bao gồm: đất và tài sản trên đất được phân bổ theo phương án 05 – 07 năm.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Tại khu công nghiệp hiện hữu

Từ năm 2003 trở về trước, doanh thu được ghi nhận một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên mua và thanh toán tiền một lần. Giá vốn tương ứng là các chi phí liên quan đến việc đền bù thực tế phát sinh.

Từ năm 2003 trở đi, đối với các hợp đồng bán nền đất phát sinh trước năm 2010, doanh thu bán nền đất được ghi nhận sau khi chuyển giao quyền sở hữu trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng. Giá vốn tương ứng được phân bổ theo doanh thu kế hoạch với tỷ lệ giữa số dư chi phí sản xuất dở dang so với số dư doanh thu nhận trước và tiền ký quỹ mua đất tại đầu năm tài chính.

Đối với các hợp đồng bán nền đất phát sinh từ năm 2010 trở đi, doanh thu nền đất chưa được ghi nhận mặc dù đã có biên bản bàn giao đất cho khách hàng. Toàn bộ vẫn đang theo dõi trên doanh thu nhận trước.

Năm nay, Công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất” và đã điều chỉnh lại toàn bộ doanh thu của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 trở về trước theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm nay và phân bổ đều cho 04 quý. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê cũng được phân bổ đều cho 04 quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại khu công nghiệp mở rộng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản nợ phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.070.100.620	4.569.199.835
Tiền gửi ngân hàng ⁽ⁱ⁾	49.879.360.876	56.147.758.342
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	114.019.233.762	161.017.909.190
Cộng	167.968.695.258	221.734.867.367

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng để chờ đền bù tái định cư là 44.669.783.046 VND.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 01 năm.

Trong đó một chứng chỉ tiền gửi 12 tháng trị giá 6.386.468.274 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	2.742.950.361	9.126.196.675
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	6.178.844.794	5.754.058.907
Ban quản lý hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	528.689.635	760.922.234
Cộng	9.450.484.790	15.641.177.816

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	20.000.000	-
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	47.594.400	4.109.036.329
Ban quản lý hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	200.000.000	-
Cộng	267.594.400	4.109.036.329

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu tiền cho mượn	1.620.000.000	210.000.000
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	1.265.377.692	1.561.772.969
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản	2.437.034.625	3.532.766.707
Phải thu lãi kích cầu	438.599.272	331.370.880
Các khoản phải thu khác	634.050.536	613.347.568
Cộng	6.395.062.125	6.249.258.124

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	168.318.937.220	207.390.188.150
Hàng hóa bất động sản	17.232.261.729	17.151.618.648
Cộng	185.551.198.949	224.541.806.798

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	321.901.000	307.049.805
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	700.442.745	635.805.977
Cộng	1.022.343.745	942.855.782

8. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	40.174.564.646	53.362.872.564
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Tân Bình	2.023.983.334	2.610.998.334
Cộng	42.198.547.980	55.973.870.898

9. Phải thu dài hạn khác

Cho Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) mượn tiền.

10. Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	9.626.920.261	9.626.920.261
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.091.802.217	1.091.802.217
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	8.535.118.044	8.535.118.044
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	9.626.920.261	9.626.920.261

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm trang 46.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	San lấp mặt bằng	Kinh phí đền bù	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.091.536.016	84.218.125.350	255.839.974.829	87.450.000	366.237.086.195
Số cuối kỳ	26.091.536.016	84.218.125.350	255.839.974.829	87.450.000	366.237.086.195
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.790.988.206	76.265.238.181	161.760.312.171	87.450.000	240.903.988.558
Khấu hao trong kỳ	226.719.738	-	-	-	226.719.738
Điều chỉnh vào chi phí trả trước dài hạn	-	7.952.887.169	94.079.662.658	-	102.032.549.827
Số cuối kỳ	3.017.707.944	84.218.125.350	255.839.974.829	87.450.000	343.163.258.123

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	San lấp mặt bằng	Kinh phí đền bù	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.300.547.810	7.952.887.169	94.079.662.658	-	125.333.097.637
Số cuối kỳ	23.073.828.072	-	-	-	23.073.828.072
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm trang 47.

14. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	18.624.458.328	222.609.285.764	774.452.009	242.008.196.101
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	15.511.892.773	-	15.511.892.773
Số cuối kỳ	18.624.458.328	238.121.178.537	774.452.009	257.520.088.874
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.365.210.659	93.882.247.962	199.035.793	95.446.494.414
Khấu hao trong kỳ	162.655.002	7.850.157.681	-	8.012.812.683
Số cuối kỳ	1.527.865.661	101.732.405.643	199.035.793	103.459.307.097
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	17.259.247.669	128.727.037.802	575.416.216	146.561.701.687
Số cuối kỳ	17.096.592.667	136.388.772.894	575.416.216	154.060.781.777

Tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý (giá trị thị trường) của các bất động sản đầu tư trên.

Một số bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 111.146.342.750 VND và 63.327.091.959 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình.

15. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) ^(a)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng ^(b)	800.000.000	800.000.000
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa) ^(c)	-	-
Cộng	5.800.000.000	5.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1100776581 thay đổi lần thứ 03 ngày 20 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400910908 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng 800.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ.
- (c) Theo Quyết định của Chủ sở hữu ngày 08 tháng 01 năm 2014, Công ty quyết định chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa) cho Ông Nguyễn Văn Ngoãn với giá chuyển nhượng theo giá trị sổ sách của Tanisa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn ^(a)	-	-	3.600.000	19.800.000.000
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình ^(b)	612.750	5.700.000.000	612.750	5.700.000.000
Công ty cổ phần kính Tân Bình ^(c)	290.000	2.900.000.000	290.000	2.900.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát ^(d)	1.470.000	14.700.000.000	1.470.000	14.700.000.000
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice) ^(e)	1.800.350	22.108.298.000	1.800.350	22.108.298.000
Công ty cổ phần giấy An Phú ^(f)	330.050	3.300.500.000	43.050	430.500.000
Công ty cổ phần giấy G.P ^(g)	726.000	7.260.000.000	-	-
Cộng		55.968.798.000		65.638.798.000

- (a) Trong kỳ, Công ty đã thu hồi khoản đầu tư tại Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn theo Quyết định chấp thuận thực hiện thủ tục giải thể theo Luật doanh nghiệp số 23/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592598 thay đổi lần thứ 03 ngày 03 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình 5.700.000.000 VND, tương đương 47,50% vốn điều lệ.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310667805 thay đổi lần thứ 02 ngày 14 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần kính Tân Bình 2.900.000.000 VND, tương đương 25,48% vốn điều lệ.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311640972 thay đổi lần thứ 05 ngày 06 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát 14.700.000.000 VND, tương đương 44,545% vốn điều lệ.
- (e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304563607 ngày 09 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice) 22.108.298.000 VND, tương đương 36,01% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (f) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312301316 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú 2.870.000.000 VND, tương đương 28,7% vốn điều lệ. Theo Biên bản Đại hội cổ đông năm 2013 số 04/BB-ĐHĐCĐ-AP/2013 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ VND lên thành 11,5 tỷ VND và tỷ lệ góp vốn của Công ty vào Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú vẫn không đổi. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú số tiền 3.300.500.000 VND, tương đương 28,7% vốn điều lệ. Tuy nhiên, theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 09/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty, Công ty quyết định thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú trong năm 2014.
- (g) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702245743 ngày 03 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần giấy G.P 33.000.000.000 VND, tương đương 33,00% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư với số tiền là 7.260.000.000 VND theo kế hoạch góp vốn đợt 01. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 25.740.000.000 VND.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	05	15.189	05	15.189
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương	568.521	4.669.841.614	568.521	4.669.841.614
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	03	60.312	03	60.312
Công ty cổ phần lương thực Nam Trung Bộ	120.000	8.020.000.000	120.000	8.020.000.000
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics	-	2.371.500.000	-	2.371.500.000
Công ty cổ phần Tân Bình	-	104.300.000	-	104.300.000
Cộng		15.165.717.115		15.165.717.115

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	1.258.716.226	1.542.983.326
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	3.093.408.668	16.998.220.238
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	-	14.486.189.480
Công ty cổ phần kinh Tân Bình	2.205.002.854	2.512.030.758
Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú	888.405.814	-
Cộng	4.325.124.894	18.541.203.564

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.541.203.564	16.958.946.204
Trích lập dự phòng bổ sung	581.377.910	1.939.027.205
Giảm do thanh lý các khoản đầu tư	(14.486.189.480)	(3.135.989.391)
Hoàn nhập dự phòng	(284.267.100)	(333.314.556)
Số cuối kỳ	4.325.124.894	15.428.669.462

19. Chi phí trả trước dài hạn

Các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình và vô hình.

Tình hình phân bổ trong kỳ như sau:

Số đầu năm	-
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình sang	108.046.806.896
Phát sinh tăng trong kỳ	7.138.435.753
Điều chỉnh giảm giá vốn những năm trước	15.349.029.572
Phân bổ trong năm	(4.207.780.952)
Cộng	126.326.491.269

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	14.447.888.736
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	305.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả	10.955.800.000	18.449.706.009
Cộng	10.955.800.000	33.203.194.745

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	14.447.888.736	(14.447.888.736)	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	305.600.000	(305.600.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	18.449.706.009	(7.493.906.009)	10.955.800.000
Cộng	33.203.194.745	(22.247.394.745)	10.955.800.000

21. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	8.000.000	2.791.050.500
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	3.173.045.462	2.604.118.831
Ban quản lý hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	82.783.770	197.496.121
Cộng	3.263.829.232	5.592.665.452

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số được miễn trừ	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.744.261.939	2.926.917.768	-	(4.191.857.210)	479.322.497
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	4.433.421.158	9.115.328.681	(1.667.415.128)	(7.782.280.014)	4.099.054.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	80.960.258	571.683.046	-	(564.772.116)	87.871.188
Thuế thu nhập cá nhân	60.346.201	1.023.460.646	-	(1.028.020.819)	55.786.028
Tiền thuê đất	-	308.682.382	-	(308.682.382)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
Cộng	6.318.989.556	13.949.072.523	(1.667.415.128)	(13.878.612.541)	4.722.034.410

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phí tiện ích công cộng và tiền sử dụng đất Không chịu thuế
- Phí duy tu, thuê mặt bằng, kho xưởng, 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25% từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty đang tạm kê khai với thuế suất là 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.030.204.647	39.261.059.369
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	788.204.822	1.770.878.421
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.659.259.200)	(1.602.144.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	39.159.150.269	39.429.793.790
- Thu nhập chịu thuế từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (thuế suất 25%)	16.677.187.392	39.429.793.790
- Thu nhập chịu thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 (thuế suất 22%)	22.481.962.877	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.115.328.681	9.857.448.448

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí duy tu bảo dưỡng	22.170.211.138	22.170.211.138
Chi phí khác	5.631.830.058	-
Cộng	27.802.041.196	22.170.211.138

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và Kinh phí công đoàn	23.709.780	29.530.390
Cổ tức phải trả	610.990.300	430.964.300
Tiền đặt cọc mua chung cư Sơn Kỳ	40.000.000	120.000.000
Phí bảo trì chung cư	2.212.900.140	1.921.315.763
Phí duy tu hạ tầng	2.754.823.213	154.778.031
Tiền đền bù tái định cư	44.669.783.046	43.571.305.053
Các khoản phải trả khác	1.734.929.740	2.919.453.231
Cộng	52.047.136.219	49.147.346.768

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập quỹ trong năm</u>	<u>Trình bày lại</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	2.962.782.810	3.539.685.814	(1.100.000.000)	(746.090.000)	4.656.378.624
Quỹ phúc lợi	1.505.461.450	4.433.306.659	1.100.000.000	(6.274.550.435)	764.217.674
Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	83.950.477	900.000.000	-	(30.000.000)	953.950.477
Cộng	4.552.194.737	8.872.992.473	-	(7.050.640.435)	6.374.546.775

26. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh - vốn do Ngân sách cấp	220.396.023	220.396.023
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	42.154.724.558	29.921.309.486
Phải trả dài hạn khác	4.309.075.576	4.242.214.210
Cộng	46.684.196.157	34.383.919.719

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

27. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	35.842.815.765	55.842.815.765
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 12 ⁽ⁱⁱ⁾	7.103.600.000	7.103.600.000
Cộng	42.946.415.765	62.946.415.765

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại Lô 6 – 1, cụm 6, đường M1, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 72/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 6 năm 2008.
- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại cụm 2, đường M14, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK629439 do Sở tài nguyên và môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2013.
- Công trình xây dựng, máy móc thiết bị trên đất thuộc dự án “Trường trung học Sơn Kỳ”.
- Máy ghép đèn và máy in ống 8 màu hiện đã được chuyển giao quyền sở hữu cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương nhưng vẫn đứng tên Công ty để thế chấp với ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình và đã được ba bên thống nhất trong phụ kiện số 01 ngày 14 tháng 8 năm 2013 của hợp đồng mua bán số 01/HĐMBTS-2013 ngày 27 tháng 02 năm 2013.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Tân Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án “Nhà máy xử lý nước thải – giai đoạn 02”.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	62.946.415.765	67.644.853.332
Số tiền vay trả trong kỳ	(20.000.000.000)	(4.640.000.000)
Số kết chuyển	-	(1.873.623.886)
Số cuối kỳ	42.946.415.765	61.131.229.446

28. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	110.945.347.268	124.804.574.119
Tiền chung cư	4.338.188.455	6.980.691.980
Tiền nền đất	49.922.520.268	74.030.959.566
Tiền căn hộ nhận trước	1.694.254.541	670.254.544
Cộng	166.900.310.532	206.486.480.209

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 03 đính kèm trang 48.

Cổ tức

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	23.098.374.000	23.150.336.800
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	23.098.374.000	23.150.336.800

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	931.840	931.840
- Cổ phiếu phổ thông	931.840	931.840
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.068.160	23.068.160
- Cổ phiếu phổ thông	23.068.160	23.068.160
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	103.235.261.731	138.483.627.479
Doanh thu bán hàng hóa	-	34.862.504.271
Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.639.083.463	46.224.267.397
Doanh thu kinh doanh bất động sản	52.596.178.268	57.396.855.811
Các khoản giảm trừ doanh thu (hàng bán bị trả lại)	(112.521.543)	-
Doanh thu thuần	103.122.740.188	138.483.627.479
Doanh thu thuần bán hàng hóa	-	34.862.504.271
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	50.639.083.463	46.224.267.397
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	52.483.656.725	57.396.855.811

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	-	33.835.629.424
Giá vốn cung cấp dịch vụ	(8.230.669.451)	11.723.599.868
Giá vốn kinh doanh bất động sản	47.747.081.134	32.837.969.275
Cộng	39.516.411.683	78.397.198.567

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.114.788.549	8.769.017.522
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	57.828.915	-
Lãi tiền cho vay	-	76.666.667
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.659.259.200	1.602.144.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.225.419	21.130.941
Lãi chuyển nhượng góp vốn	47.500.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	4.528.491.295	2.876.884.528
Lãi hợp tác kinh doanh	1.400.000.000	600.000.000
Cộng	12.817.093.378	13.945.843.658

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay ngân hàng	4.119.629.218	5.978.237.687
Lãi vay huy động vốn	8.658.667	23.047.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	389.390.355	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.856.672	21.452.572
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	297.110.810	1.605.712.649
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư sau khi trừ dự phòng	1.641.810.520	(37.396.216)
Chi phí tài chính khác	7.261.350	-
Cộng	6.467.717.592	7.591.054.024

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.821.779.396	3.153.981.274
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	407.781.734	144.960.300
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.443.468.713	1.689.249.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.651.709.145	4.760.765.570
Chi phí khác	4.022.097.357	4.667.238.516
Cộng	21.346.836.345	14.416.195.435

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.955.741.676	8.648.546.659
Chi phí đồ dùng văn phòng	184.698.864	147.089.681
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.169.895.186	1.689.249.768
Thuế, phí và lệ phí	330.539.085	218.224.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.590.638	237.370.296
Chi phí khác	897.048.736	595.785.266
Cộng	8.745.514.185	11.536.266.643

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính trụ sở chính và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.101.650.000	2.776.065.000
Khác	22.340.000	34.320.000
Cộng	2.123.990.000	2.810.385.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)	Công ty con
Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng	Công ty con
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	Công ty liên kết
Công ty cổ phần sản xuất thương mại giấy An Phú	Công ty liên kết
Công ty cổ phần giấy G.P	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)			
Thu tiền nợ cho vay	100.000.000		450.000.000
Cho vay	1.600.000.000		-
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)			
Tiền thuê mặt bằng	103.770.000		228.294.000
Tiền điện	18.473.600		-
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)			
Thuê kho xưởng	429.270.180		929.341.490
Phí duy tu tiện ích và các chi phí khác	-		380.752.094
Thuê đất	1.629.180.565		1.626.488.830
Phí quản lý tòa nhà 108 Tây Thạnh	726.685.343		120.000.000
Thu tiền vay	-		5.000.000.000
Tiền điện	85.416.287		-
Xử lý nước thải	29.693.086		-
Cho thuê kho xưởng	109.090.908		109.090.908
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)			
Mua tài sản cố định và xây dựng các công trình	16.236.468.714		20.206.982.311
Thuê đất	281.904.762		296.000.000
Chi phí sửa chữa văn phòng Công ty	114.706.364		-
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn			
Tiền điện phải thu	5.525.130		-
Hoàn trả tiền thuế lãi cho vay	-		14.194.444
Công ty cổ phần kính Tân Bình			
Tiền thuê máy cường lực	-		600.000.000
Tiền thuê kho xưởng	-		1.237.041.655
Lãi trả chậm phải thu	-		420.311.441
Xử lý nước thải	13.844.592		-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát			
Mua hàng hoá	-		32.132.334.982
Cho thuê kho xưởng	125.307.000		450.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phí uỷ thác và chênh lệch giá sàn	1.099.400.864	1.164.731.655
Phí lập dự án kho xưởng	-	152.000.000
Tiền điện	19.201.344	-
Phí tư vấn	175.000.000	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)		
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(6.920.067.255)	(6.920.067.255)
Phải thu giá trị đầu tư nhà máy	6.100.000.000	6.116.567.913
Phải thu tiền bán đất sét	-	355.998.683
Tiền thuê tài sản cố định	-	1.251.000.000
Tiền cho mượn	1.500.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)		
Tiền điện	17.310.902	24.641.760
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)		
Ứng trước tiền công trình	-	1.933.671.280
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Tiền điện phải thu	-	736.456
Công ty cổ phần kính Tân Bình		
Phải thu tiền máy móc thiết bị	5.033.153.766	5.298.070.433
Phải thu tiền cho thuê máy cưa lực	990.000.000	1.320.000.000
Thuê kho xưởng	2.379.887.921	2.989.841.826
Phải thu tiền lãi trả chậm	-	47.704.359
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát		
Tiền điện phải thu	3.973.886	5.010.720
Phải thu tiền chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại kho Sóng Thần	-	1.034.000.000
Cộng nợ phải thu	9.104.259.220	13.457.176.175
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)		
Phải trả chi phí vé máy bay công tác	-	41.046.000
Phải trả phí quản lý chung cư	-	121.492.710

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình		
Tanimex (Tanicons)		
Phải trả tiền xây dựng công trình	640.527.547	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát		
Phải trả phí ủy thác kho xưởng	194.010.928	290.797.355
Cộng nợ phải trả	834.538.475	453.336.065

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 02: kinh doanh khác (bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuê kho xưởng). Hoạt động bán hàng hoá phát sinh trong năm nay chiếm tỷ trọng trên 10% so với tổng doanh thu nhưng phát sinh không thường xuyên nên vẫn trình bày trong hoạt động kinh doanh khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	52.483.656.725	50.639.083.463	103.122.740.188
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.483.656.725	50.639.083.463	103.122.740.188
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.736.575.591	58.869.752.914	63.606.328.505
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(30.092.350.530)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			33.513.977.975
Doanh thu hoạt động tài chính			12.817.093.378
Chi phí tài chính			(6.467.717.592)
Thu nhập khác			238.574.691
Chi phí khác			(1)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9.115.328.681)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			30.986.599.770
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.967.908.433	10.582.433.946	21.550.342.379
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.543.126.542	7.278.018.309	14.821.144.851

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Cộng
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.396.855.811	81.086.771.668	138.483.627.479
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.396.855.811	81.086.771.668	138.483.627.479
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	24.630.113.809	35.456.315.103	60.086.428.912
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(25.952.462.078)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			34.133.966.834
Doanh thu hoạt động tài chính			13.945.843.658
Chi phí tài chính			(7.591.054.024)
Thu nhập khác			361.074.177
Chi phí khác			(1.592.677.166)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9.857.448.448)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			29.399.705.031
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.967.908.433	10.582.433.946	21.550.342.379
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.543.126.542	7.278.018.309	14.821.144.851

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	154.060.781.777	-	154.060.781.777
Tài sản phân bổ cho bộ phận	314.299.960.932	303.253.678.329	617.553.639.261
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			118.968.858.495
Tổng tài sản			890.583.279.533
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	184.139.403.120	177.667.700.486	361.807.103.606
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			6.374.546.775
Tổng nợ phải trả			368.181.650.381
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	146.561.701.687	-	146.561.701.687
Tài sản phân bổ cho bộ phận	313.206.646.425	408.863.713.010	722.070.359.435
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			91.869.888.296
Tổng tài sản			960.501.949.418
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	187.547.485.676	244.826.737.346	432.374.223.022
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			4.552.194.737
Tổng nợ phải trả			436.926.417.759

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	59.850.067.790	64.421.047.227
Trên 01 năm đến 05 năm	88.664.920.810	101.225.836.119
Trên 05 năm	8.705.466.667	11.243.533.333
Cộng	157.220.455.267	176.890.416.679

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong kỳ là 33.285.529.844VND (cùng kỳ năm trước là 34.274.046.651VND).

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.968.695.258	-	-	-	167.968.695.258
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.386.468.274	-	-	-	46.386.468.274
Phải thu khách hàng	47.046.881.207	-	-	4.602.151.563	51.649.032.770
Các khoản phải thu khác	4.896.902.332	-	-	6.116.567.913	11.013.470.245
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.495.875.501	-	-	4.669.841.614	15.165.717.115
Cộng	276.794.822.572	-	-	15.388.561.090	292.183.383.662
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.734.867.367	-	-	-	221.734.867.367
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23.806.576.745	-	-	-	23.806.576.745
Phải thu khách hàng	67.012.897.151	-	-	4.602.151.563	71.615.048.714
Các khoản phải thu khác	3.914.347.199	-	-	6.116.567.913	10.030.915.112
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.495.875.501	-	-	4.669.841.614	15.165.717.115
Cộng	326.964.563.963	-	-	15.388.561.090	342.353.125.053

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	24.304.881.293	26.019.093.481	3.578.240.991	53.902.215.765
Phải trả người bán	3.263.829.232	2.740.400.000	-	6.004.229.232
Các khoản phải trả khác	35.155.684.589	46.684.196.157	-	81.839.880.746
Cộng	62.724.395.114	75.443.689.638	3.578.240.991	141.746.325.743

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	33.203.194.745	57.595.174.774	5.351.240.991	96.149.610.510
Phải trả người bán	5.592.665.452	2.740.400.000	-	8.333.065.452
Các khoản phải trả khác	27.806.289.430	34.383.919.719	-	62.190.209.149
Cộng	66.602.149.627	94.719.494.493	5.351.240.991	166.672.885.111

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 và ngày 30 tháng 9 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Các khoản tương đương tiền	114.019.233.762	161.567.909.190
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.386.468.274	24.026.576.745
Vay và nợ	(53.902.215.765)	(96.149.610.510)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	106.503.486.271	89.444.875.425

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 1.597.552.294 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 1.330.123.131 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp số dư tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng này. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 là 6.386.468.274 VND.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 và tại ngày 30 tháng 9 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.968.695.258	-	222.406.132.359	-	167.968.695.258	222.406.132.359
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.386.468.274	-	24.026.576.745	-	46.386.468.274	24.026.576.745
Phải thu khách hàng	51.649.032.770	(3.510.349.348)	71.615.048.714	(3.510.349.348)	48.138.683.422	68.104.699.366
Các khoản phải thu khác	11.013.470.245	(6.116.567.913)	9.723.865.307	(6.116.567.913)	4.896.902.332	3.607.297.394
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.165.717.115	(1.258.716.226)	15.165.717.115	(1.542.983.326)	13.907.000.889	13.622.733.789
Cộng	292.183.383.662	(10.885.633.487)	342.937.340.240	(11.169.900.587)	281.297.750.175	331.767.439.653

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	53.902.215.765	96.149.610.510	53.902.215.765	53.902.215.765
Phải trả người bán	6.004.229.232	8.333.065.452	6.004.229.232	6.004.229.232
Các khoản phải trả khác	81.839.880.746	62.190.209.149	126.509.663.792	81.839.880.746
Cộng	141.746.325.743	166.672.885.111	186.416.108.789	141.746.325.743

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH - TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2014



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRU SỞ CHÍNHH

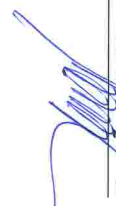
Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	34.573.318.003	16.651.013.665	15.610.386.040	1.238.719.812	2.833.488.006	94.058.804.527	164.965.730.053
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	16.952.727	-	-	-	-	-	16.952.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(532.376.400)	-	-	-	(532.376.400)
Số cuối kỳ	34.590.270.730	16.651.013.665	15.078.009.640	1.238.719.812	2.833.488.006	94.058.804.527	164.450.306.380
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.447.839.284	46.821.045	4.462.559.596	933.786.886	2.833.488.006	94.058.804.527	114.783.299.344
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	16.752.488.715	4.429.975.464	8.727.973.439	1.066.898.618	2.631.596.043	85.406.567.008	119.015.499.287
Khấu hao trong kỳ	942.572.505	667.528.308	713.384.292	45.601.134	4.745.239	-	2.373.831.478
Điều chỉnh vào chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	197.146.724	8.652.237.519	8.849.384.243
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(532.376.400)	-	-	-	(532.376.400)
Số cuối kỳ	17.695.061.220	5.097.503.772	8.908.981.331	1.112.499.752	2.833.488.006	94.058.804.527	129.706.338.608
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	17.820.829.288	12.221.038.201	6.882.412.601	171.821.194	201.891.963	8.652.237.519	45.950.230.766
Số cuối kỳ	16.895.209.510	11.553.509.893	6.169.028.309	126.220.060	-	-	34.743.967.772
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	2.383.106.563	618.005.588	-	-	-	3.001.112.151

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.004.160.722 VND và 14.892.873.350 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12


Hà Thị Thu Thảo
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Hảo
 Kế toán trưởng


 TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2014
Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ, BĐS đầu tư trong năm	Giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí xây dựng cơ bản tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng					
Khu công nghiệp Tân Bình	6.858.442.014	19.224.863.287	(15.528.845.500)	(4.888.408.656)	5.666.051.145
Công trình Khu công nghiệp Tân Bình	365.199.905	4.490.594.545	-	(4.855.794.450)	-
Công trình Khu công nghiệp mở rộng	-	32.614.206	-	(32.614.206)	-
Công trình xử lý nước thải	-	16.952.727	(16.952.727)	-	-
Công trình kho xưởng	3.833.102.228	14.398.996.380	(15.241.916.480)	-	2.990.182.128
Công trình nhà ở cho người lao động	2.660.139.881	15.729.136	-	-	2.675.869.017
Văn phòng Lê Trọng Tấn	-	269.976.293	(269.976.293)	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản tại					
Văn phòng Công ty	8.465.869.271	-	-	-	8.465.869.271
Khu công nghiệp Đông Thạnh-Hóc Môn	-	-	-	-	-
Trung tâm thương mại chợ Tân Bình	651.559.016	-	-	-	651.559.016
Trung tâm thương mại Ngã tư ga	1.775.201.078	-	-	-	1.775.201.078
Tanhotel (261 Hoàng Văn Thụ)	6.028.297.996	-	-	-	6.028.297.996
Khác	10.811.181	-	-	-	10.811.181
Ban quản lý hạ tầng Khu công nghiệp	25.119.000	-	-	-	25.119.000
Cộng	15.349.430.285	19.224.863.287	(15.528.845.500)	(4.888.408.656)	14.157.039.416

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2014



(Signature)

Nguyễn Thị Hào
 Kế toán trưởng

Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc

Hà Thị Thu Thảo
 Người lập biểu

044987
 CÔNG T
 NIỆM H
 OÀN VÀ T
 A & C
 4-TPHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH
-TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	240.000.000.000	90.352.860.000	(12.901.547.446)	88.745.945.107	18.176.157.391	97.352.749.854	521.726.164.906
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	63.332.952.274	63.332.952.274
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(23.369.136.000)	(23.369.136.000)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(23.098.374.000)	(23.098.374.000)
Mua lại cổ phiếu	-	-	(3.114.565.000)	-	-	-	(3.114.565.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.070.993.612	4.035.496.806	(23.318.551.627)	(11.212.061.209)
Giảm khác	-	-	-	(689.449.312)	-	-	(689.449.312)
Số dư cuối năm trước	240.000.000.000	90.352.860.000	(16.016.112.446)	96.127.489.407	22.211.654.197	90.899.640.501	523.575.531.659
Số dư đầu năm nay	240.000.000.000	90.352.860.000	(16.016.112.446)	96.127.489.407	22.211.654.197	90.899.640.501	523.575.531.659
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	30.986.599.770	30.986.599.770
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(23.215.786.000)	(23.215.786.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	3.166.647.614	3.166.647.614	(15.206.287.701)	(8.872.992.473)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(71.723.804)	(71.723.804)
Số dư cuối kỳ	240.000.000.000	90.352.860.000	(16.016.112.446)	99.294.137.021	25.378.301.811	83.392.442.766	522.401.629.152

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2014



Hà Thị Thu Thảo
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hảo
Kế toán trưởng

Trần Quang Trường
Phó Tổng Giám đốc